

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG AN VIỆT.
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG AN VIỆT.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN VIET ARCHITECTURE AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AN VIET ARC., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108614975

3. Ngày thành lập: 15/02/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 4 ngách 24 ngõ 177 đường Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0971403838

Fax:

Email: anviethome.jsc@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
2.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
3.	Cho thuê xe có động cơ	7710
4.	Đúc kim loại màu	2432
5.	Xây dựng nhà không để ở	4102
6.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
8.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
9.	Bán mô tô, xe máy Loại trừ Đầu giá	4541
10.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
11.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
12.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
13.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
14.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
15.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
16.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
17.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
18.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
19.	Xây dựng công trình thủy	4291

20.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
21.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
22.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
23.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
25.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
26.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất	6820
27.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
28.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Loại trừ Đấu giá	4530
29.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
30.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
31.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
32.	Bán buôn thực phẩm	4632
33.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
34.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	7110(Chính)
35.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
36.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
37.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
38.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
39.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

40.	Hoạt động thể thao khác	9319
41.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
42.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
43.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
44.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
45.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
46.	Bán buôn đồ uống	4633
47.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
48.	Sao chép bản ghi các loại	1820
49.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
50.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
51.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
52.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
53.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Loại trừ Đầu giá	4773
54.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
55.	Xây dựng công trình điện	4221
56.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
57.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
58.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
59.	Đúc sắt, thép	2431
60.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
61.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
62.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
63.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
64.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
65.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Trừ Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán	7490
66.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
67.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
70.	Bốc xếp hàng hóa	5224
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229

72.	Chuyển phát	5320
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh. (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
74.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gập lại được; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như : Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện;	2599
75.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
76.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
77.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
78.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Loại trừ Đấu giá	4513
79.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
80.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
81.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
82.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
83.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
84.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
85.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
86.	Đại lý du lịch	7911
87.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
88.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
89.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất chất kết dính từ nhựa đường	2399
90.	Xây dựng nhà để ở	4101
91.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591

92.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
93.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
94.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
95.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
96.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
97.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
98.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
99.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
100.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
101.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
102.	Điều hành tua du lịch	7912

6. Vốn điều lệ: 2.280.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN BÌNH NAM	Xóm 4, thôn Ngõ Khê, Xã Bình Nghĩa, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	57.000	570.000.000	25,000	142195981	
			Tổng số	57.000	570.000.000	25,000		

2	NGUYỄN HỮU TÂM	Tổ 10, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	57.000	570.000.000	25,000	0010920072 29	
			Tổng số	57.000	570.000.000	25,000		
3	PHẠM VĂN ĐẠI	Thôn Cổ Gia, Xã Nam Hùng, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	114.000	1.140.000.000	50,000	0360880027 21	
			Tổng số	114.000	1.140.000.000	50,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM VĂN ĐẠI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/08/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036088002721

Ngày cấp: 03/01/2019

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Cổ Gia, Xã Nam Hùng, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Cổ Gia, Xã Nam Hùng, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội